

## CHUYÊN MỤC

## TƯ VẤN CHÍNH SÁCH

## KINH NGHIỆM TỪ XÃ HỘI GIÀ HÓA CỦA NHẬT BẢN QUA SÁCH CỦA TOMINAGA KENICHI

TERAMOTO MINORU

Dựa vào quyển sách của tác giả Tominaga Kenichi, bài viết nhằm giới thiệu kinh nghiệm về xã hội già, tỷ lệ sinh giảm của Nhật Bản. Tominaga là nhà xã hội học nổi tiếng ở Nhật Bản. Quyển sách được giới thiệu ở đây có tên là Nhà nước phúc lợi trong thời kỳ xã hội thay đổi – thất bại của gia đình và chức năng mới của nhà nước (Nhà xuất bản Chuoukouron, 266 trang). Tominaga viết quyển sách này vào năm 2001 và đã phân tích tình hình phúc lợi dành cho người già ở Nhật Bản khi áp dụng Luật Bảo hiểm chăm sóc.

## MỞ ĐẦU

Ông Tominaga Kenichi, sinh năm 1931, là tiến sĩ Xã hội học tại Nhật Bản. Quyển sách *Nhà nước phúc lợi trong thời kỳ xã hội thay đổi – thất bại của gia đình và chức năng mới của nhà nước* xuất bản năm 2001, bao gồm 5 chương. Trong bài này, tôi lựa chọn Chương 2: *Quan hệ giữa gia đình và xã hội*<sup>1</sup> để giới thiệu kinh nghiệm Nhật Bản liên quan tới sự ra đời của xã hội già. Trước khi bắt đầu giới thiệu nội dung ấy, xin tóm tắt ý kiến của Tominaga như sau.

Trong quá trình hiện đại hóa, doanh nghiệp hóa (công nghiệp hóa), hệ thống gia đình chủ yếu của người Nhật Bản đã thay đổi từ gia đình truyền thống (家父長制, patriarchy) sang gia đình hạt nhân. Với trào lưu này, tỷ lệ sinh giảm đi, số lượng thành viên gia đình giảm đi, cơ cấu dân số già hóa, và số lượng phụ nữ đi ra để làm việc tăng lên. Vì vậy, khả năng, chức năng để chăm sóc thành viên gia đình yếu thế như người già giảm đi rõ rệt. Tình hình này đã làm chính phủ Nhật Bản cần phải đảm nhiệm một số vai trò, chức năng để chăm sóc người già. Đây là lý do tại sao Quốc hội Nhật Bản đã thông qua Luật Bảo hiểm chăm sóc năm

Teramoto Minoru. Nghiên cứu viên, Viện Nghiên cứu Nền Kinh tế châu Á (IDE - JETRO), Nhật Bản.

1997. Tominaga gọi tình hình này như “thất bại của gia đình”. Bởi vì, ở Nhật Bản, trước đây mạng lưới của gia đình, thân nhân để chăm sóc các thành viên gia đình như người già rất mạnh, nhưng hiện nay mạng lưới này không còn mạnh nữa.

Sau đây là một số nội dung cần quan tâm trong quyển sách này<sup>(1)</sup>.

### 1. LUẬT BẢO HIỂM CHĂM SÓC

Quốc hội Nhật Bản đã thông qua Luật Bảo hiểm chăm sóc vào năm 1997. Luật này có hiệu lực từ năm 2000. Toàn bộ quốc dân từ 40 tuổi trở lên có nghĩa vụ nộp phí cho quỹ bảo hiểm chăm sóc này. Đối tượng tham gia bảo hiểm chăm sóc này có 2 loại: thứ nhất là người 65 tuổi trở lên; thứ hai là người từ 40 tuổi đến dưới 65 tuổi. Người 65 tuổi trở lên được công nhận là “tình hình cần chăm sóc”,

“tình hình cần giúp” thì có thể hưởng được dịch vụ chăm sóc trực tiếp như phái người đến chăm sóc (helper) tại nhà riêng và dịch vụ “day service” (được ở tại trung tâm chăm sóc từ buổi sáng đến buổi chiều), v.v. Người từ 40 tuổi đến dưới 65 tuổi mà bị mất trí nhớ, v.v. cũng hưởng được chế độ (Tominaga, 2001, tr. 55-57).

### 2. TẠI SAO NHẬT BẢN CẦN PHẢI ÁP DỤNG CHẾ ĐỘ BẢO HIỂM CHĂM SÓC

Tominaga đưa ra bốn lý do tại sao Nhật Bản phải áp dụng bảo hiểm chăm sóc như sau: thứ nhất là tỷ lệ người già tăng lên; thứ hai là tỷ lệ gia đình hạt nhân, gia đình độc thân tăng lên; thứ ba là tỷ lệ lao động nữ tăng lên; và thứ tư là sự thay đổi cách nhận thức của người Nhật Bản.

*Tỷ lệ người già tăng lên*

Bảng 1 Tỷ suất sinh, tuổi thọ và tỷ lệ dân số 65 tuổi trở lên

| Năm  | Tỷ suất sinh chung (%) | Tổng tỷ suất sinh | Nam: tuổi thọ bình quân | Nữ: tuổi thọ bình quân | Tỷ lệ dân số 65 tuổi trở lên (%) | Dân số (Đơn vị: 1000 người) |
|------|------------------------|-------------------|-------------------------|------------------------|----------------------------------|-----------------------------|
| 1947 | 34,3                   | 4,54              | 50,06                   | 53,96                  | 4,8                              | 78.101                      |
| 1975 | 17,1                   | 1,91              | 71,73                   | 76,89                  | 7,9                              | 111.940                     |
| 1999 | 9,4                    | 1,34              | 77,10                   | 83,99                  | 16,7                             | 126.686                     |

Ghi chú: Tỷ suất sinh chung cho chúng ta biết số trẻ em sinh ra trong 1.000 người. Và tổng tỷ suất sinh tại bảng này cho chúng ta biết một phụ nữ từ 15-45 tuổi bình quân có mấy con.

Nguồn: Tominaga, 2001, tr. 245. Số liệu thống kê dân số từ điều tra dân số toàn quốc, v.v. và thống kê về phong trào dân số của Bộ Y tế và Phúc lợi.

Bảng 2. Sự thay đổi của gia đình

| Năm  | Tỷ lệ gia đình hạt nhân (chỉ có hai vợ chồng) (%) | Tỷ lệ gia đình hạt nhân (cha, mẹ và con cái chưa lập gia đình) (%) | Tỷ lệ gia đình hạt nhân (hai vợ chồng và con cái đã lập gia đình) (%) | Tổng cộng (%) | Tỷ lệ gia đình có ba thế hệ (%) | Tỷ lệ gia đình độc thân (%) | Tỷ lệ gia đình khác (%) | Tổng số điều tra (hộ) |
|------|---|--|---|---------------|---------------------------------|-----------------------------|-------------------------|-----------------------|
| 1968 | 9,6   | 41,2   | 5,3   | 56,1          | 19,7                            | 19,8                        | 4,4                     | 28.694                |
| 1985 | 14,6  | 41,9   | 4,6   | 61,1          | 15,2                            | 18,4                        | 5,3                     | 37.226                |
| 1999 | 20,4  | 34,4   | 5,2   | 60,0          | 10,6                            | 23,6                        | 5,8                     | 44.923                |

Nguồn: Tominaga, 2001, tr. 246. Số liệu thống kê của Bộ Y tế và Phúc lợi.

Bảng 1 cho chúng ta biết tình hình dân số tại Nhật Bản như sự giảm đi tỷ lệ sinh và già hóa. Ở năm 1947, tỷ suất sinh chung là 34,3%. Nhưng ở năm 1999, số này giảm xuống còn 9,4%. Tổng tỷ suất sinh cũng đã giảm từ 4,54 xuống 1,34. Và tỷ lệ dân số 65 tuổi trở lên đã tăng từ 4,8% lên 16,7% trong cùng thời kỳ (Tominaga, 2001, tr. 58).

*Tỷ lệ gia đình hạt nhân, gia đình độc thân tăng lên*

Bảng 2 cho chúng ta biết tình hình gia đình Nhật Bản. Trong thời kỳ từ năm 1968 đến 1999, tỷ lệ gia đình có ba thế hệ giảm từ 19,7% xuống 10,6%. Trái lại, tỷ lệ gia đình hạt nhân chỉ có hai vợ chồng đã tăng từ 9,6% lên 20,4%. Tỷ lệ gia đình hạt nhân (hai vợ chồng và con cái chưa lập gia đình) giảm xuống. Điều này được lý giải rằng sau khi con cái lớn lên, chúng đi làm ở địa phương khác, lập gia đình riêng, nên gia đình chỉ còn lại hai vợ chồng. Đây là lý do tại sao tỷ lệ gia đình hạt nhân chỉ có hai vợ chồng đã tăng lên đáng kể. Và gia đình chỉ có hai vợ chồng này dễ trở thành gia đình độc thân (Tominaga, 2001, tr. 58-59).

Bảng 3. Số lượng và tỷ lệ lao động nữ

|      | Số lượng lao động nữ<br>(10.000 người) | Tổng số lao động<br>(10.000 người) | Tỷ lệ lao động nữ (%) |
|------|--|------------------------------------|-----------------------|
| 1955 | 492                                    | 1.690                              | 29,1                  |
| 1970 | 1.096                                  | 3.306                              | 33,2                  |
| 1998 | 2.124                                  | 5.368                              | 39,6                  |

Nguồn: Tominaga, 2001, tr. 247. Số liệu thống kê của Bộ Nội vụ.

Bảng 4. Nguồn thu nhập của người 60 tuổi trở lên (năm 1996) (%)

|                              | Nhật Bản | Đức  | Mỹ   | Hàn Quốc | Thái Lan |
|------------------------------|----------|------|------|----------|----------|
| Tỷ lệ của lương hưu công     | 84,0     | 84,4 | 83,0 | 4,3      | 9,5      |
| Tỷ lệ của sự giúp đỡ của con | 15,4     | 2,9  | 3,0  | 70,8     | 75,4     |

Nguồn: Tominaga, 2001, tr. 60-61. Số liệu thống kê từ Bộ Nội vụ.

*Tỷ lệ lao động nữ tăng lên*

Bảng 3 cho chúng ta biết số lượng lao động nữ thay đổi như thế nào ở Nhật Bản. Số lượng này tăng lên gấp 4,3 lần trong thời kỳ từ năm 1955 đến năm 1998. Và tỷ lệ lao động nữ trong tổng số lao động cũng tăng từ 29,1% lên 39,6%. Theo thống kê của Bộ Y tế và Phúc lợi Nhật Bản năm 1996, người chăm sóc chủ yếu là vợ, vợ của con trai cả (con dâu) và con gái cả. Ba chủ thể này chiếm 74,7% trong tổng số người chăm sóc. Con số này cho chúng ta biết vai trò, sự đóng góp của phụ nữ trong lĩnh vực này rất lớn. Đây là lý do tại sao khi tỷ lệ phụ nữ đi làm việc tăng lên, gia đình Nhật Bản đã gặp khó khăn (Tominaga, 2001, tr. 59-60).

*Sự thay đổi cách nhận thức của người Nhật Bản*

Bảng 4 cho chúng ta biết nguồn thu nhập của người 60 tuổi trở lên ở các nước. Ở Nhật Bản, tỷ lệ lương hưu công chiếm 84,0%. Tỷ lệ này giống như tỷ lệ ở Đức, Mỹ. Trái lại, ở Hàn Quốc, Thái Lan, sự giúp đỡ của con cái chiếm hơn 70%.

Nhưng tỷ lệ này ở Nhật Bản chỉ 15,4%. Điều này cho chúng ta thấy vì chế độ an sinh xã hội phổ biến nên ý thức của con cái “phải chăm sóc bố mẹ già” đã giảm đi trong những người Nhật Bản (Tominaga, 2001, tr. 60-61).

Như vậy, Tominaga đã đưa ra bốn nguyên nhân vì sao nước Nhật Bản đã phải áp dụng chế độ bảo hiểm chăm sóc từ năm 2000. Ông gọi tình hình này là “Thất bại của gia đình”.

### 3. THẤT BẠI CỦA GIA ĐÌNH

Trước đây, ở Nhật Bản có một thời kỳ “Thuyết xã hội i-e” rất phổ biến. “I-e (家)” là hệ thống gia đình, họ hàng tại Nhật Bản. Người theo thuyết này cho rằng vì ở Nhật Bản mạng lưới của gia đình, họ hàng rất mạnh nên mạng lưới này sẽ không bao giờ bị giải thể, thậm chí sẽ tiến lên hiện đại hóa, doanh nghiệp hóa. Nhưng, Tominaga cho rằng “Thuyết xã hội i-e” này không đúng, như chúng ta đã thấy ở trên. Tominaga gọi tình hình này là “Thất bại của gia đình”, ông sáng tạo theo cách sử dụng thuật ngữ “Thất bại của thị trường”, hay “Thất bại của chính phủ” trong kinh tế học.

Việc số lượng thành viên gia đình giảm đi, vì cơ cấu xã hội thay đổi theo hiện đại hóa, doanh nghiệp hóa là nòng cốt của “Thất bại của gia đình”.

Dưới ảnh hưởng của hiện đại hóa, doanh nghiệp hóa, mô hình chủ yếu của gia đình đã thay đổi từ gia đình truyền thống sang gia đình hạt nhân. Ý thức về cuộc sống cũng thay đổi. Do vậy, ở Nhật Bản, số lượng thành viên gia đình có xu hướng giảm đi. Vì số lượng thành viên gia đình giảm đi nên chức năng, vai trò

của gia đình cũng giảm đi. Đây là một lý do tại sao chính phủ Nhật Bản cần phải chuẩn bị chế độ bảo hiểm chăm sóc. Điều này có nghĩa là nhà nước phải đảm nhiệm vai trò, chức năng mà trước đây gia đình đã làm. Chúng ta có thể thấy rằng ở chế độ phúc lợi nhà nước hiện đại, nòng cốt là quan hệ giữa gia đình và nhà nước (Tominaga, 2001, tr. 61-72).

### 4. CÁC LÝ THUYẾT LIÊN QUAN

Tominaga là người theo xã hội học, chứ không phải là người theo “Nhật Bản học”. Vì thế, Tominaga tiếp tục suy nghĩ thêm nữa về cơ sở của hiện tượng trên dựa vào các lý thuyết xã hội học. Tominaga giới thiệu 2 lý thuyết liên quan. Thứ nhất là thuyết của Takata Yasuma (1883-1972), thứ hai là thuyết của Talcott Parsons (1902-1979). Ở đây, chúng ta xem xét một chút về các lý thuyết này.

Thuyết của Takata là lý thuyết liên quan tới tình hình số lượng thành viên gia đình giảm đi. Theo thuyết của Takata, trong xã hội con người, có hai loại xã hội: xã hội cơ sở và xã hội phái sinh. Xã hội cơ sở là xã hội tự nhiên xảy ra như nhà nước, xã hội khu vực, gia đình. Xã hội phái sinh là xã hội mà con người cố ý làm như doanh nghiệp, cơ quan nhà nước, v.v... Dựa vào chiều hướng lịch sử, Takata nghĩ rằng trong những xã hội cơ sở, cơ sở lớn (nhà nước) quy mô dần dần lớn lên. Trái lại, cơ sở nhỏ (gia đình) quy mô dần dần nhỏ đi (Tominaga, 2001, tr. 73-77).

Thuyết của Talcott Parsons là một lý thuyết liên quan tới vai trò, chức năng của gia đình. Parsons nghĩ như sau: Dưới ảnh hưởng của hiện đại hóa,

doanh nghiệp hóa, hệ thống phân công phát triển lên. Điều này làm ra đời nghề nghiệp đảm nhiệm những việc mà trước đây gia đình đã làm trong nội bộ. Hệ thống nghề nghiệp này thay thế hệ thống họ hàng. Theo kết quả đó, gia đình mất một số chức năng trước đây đã có, chỉ còn lại chức năng bồi dưỡng nhân cách (personality) mà thôi (Tominaga, 2001, tr. 77-80).

Việc giới thiệu về các lý thuyết này cho chúng ta biết nhận thức, cách suy nghĩ của Tominaga. Ông cho rằng kinh nghiệm của Nhật Bản có thể xảy ra ở nước khác, chứ không phải chỉ ở Nhật Bản thôi.

#### 5. CHỦ THỂ NÀO ĐẢM NHIỆM ĐƯỢC VAI TRÒ, CHỨC NĂNG THAY THẾ GIA ĐÌNH?

Khi gia đình gặp khó khăn để chăm sóc người yếu thế như người già thì chủ thể nào giúp, thay thế được gia đình? Gia đình có thu nhập cao có lẽ tiếp cận được dịch vụ tư như việc thuê người đến chăm sóc tại nhà riêng trong thời kỳ dài. Nhưng, người thu nhập bình thường và thấp thì khó tiếp cận dịch vụ như thế. Như vậy, "thị trường" là chủ thể không phù hợp vì hoạt động theo lợi ích kinh tế. Còn tổ chức xã hội ở Nhật Bản như NPO là tổ chức của những người tự nguyện tham gia, nên chưa có cơ sở vững vàng. Như vậy, theo Tominaga, nhà nước là chủ thể phù hợp nhất để đảm nhiệm một số vai trò, chức năng mà trước đây gia đình đã làm (Tominaga, 2001, tr. 86).

#### CHÚ THÍCH

(1) Tôi viết bài này dựa vào tài liệu mà tôi đã phân phát tại seminar của Viện Xã hội học ngày 5/7/2013, và tại Viện Khoa học Xã hội vùng Nam Bộ ngày 23/5/2014.

(2) Tôi không nghĩ rằng một quyển sách có thể giải thích được tất cả. Nhưng, quyển sách của Tominaga

#### 6. KẾT LUẬN CỦA TOMINAGA

Quá trình hiện đại hóa, doanh nghiệp hóa đã làm cơ cấu xã hội Nhật Bản thay đổi. Hệ thống gia đình chủ yếu của Nhật Bản thay đổi từ gia đình truyền thống sang gia đình hạt nhân. Ở xã hội Nhật Bản, tỷ lệ sinh giảm đi, cơ cấu dân số già hóa, trong khi đó, số lượng thành viên gia đình giảm đi nên khả năng, chức năng của gia đình để chăm sóc người yếu thế như người già đã giảm đi. Trong tình hình đó, Nhà nước là chủ thể phù hợp để bù đắp vai trò, chức năng mà gia đình Nhật Bản trước đây từng có. Chế độ phúc lợi nhà nước hiện nay nòng cốt là quan hệ giữa gia đình và Nhà nước.

#### 7. THÔNG ĐIỆP CỦA QUYỂN SÁCH NÀY

Theo quyển sách của Tominaga, tôi đã giới thiệu kinh nghiệm của Nhật Bản<sup>(2)</sup>. Tình hình như ở Nhật Bản cũng có thể xảy ra ở nước khác<sup>(3)</sup>.

Ở Việt Nam hiện nay gia đình hạt nhân cũng phổ biến, chiếm hơn 80% các gia đình (Nguyễn Đức Chiện, 2013, tr. 108). Nếu cơ cấu dân số trở nên già hóa thì sẽ như thế nào?

Hơn nữa, Việt Nam đang ở thời kỳ đầy mạnh hiện đại hóa, công nghiệp hóa. Xã hội nào, nước nào cũng sẽ đi qua nhiều giai đoạn. Người trẻ cũng sẽ trở thành người già. Cần phải chuẩn bị đầy đủ cho tương lai. Đó là thông điệp của quyển sách này. □

này có giá trị khi suy nghĩ về tương lai của Việt Nam.

<sup>(3)</sup> Cá nhân tôi hy vọng rằng tình hình như ở Nhật Bản không xảy ra tại Việt Nam.

#### TÀI LIỆU TRÍCH DẪN

1. Nguyễn Đức Chiện. 2013. *Hiện đại hóa và vấn đề đặt ra với chức năng cơ bản của gia đình Việt Nam hiện nay*. Tạp chí Xã hội học. Số 4 (124).
2. Tominaga Kenichi. 2001. *Nhà nước phúc lợi trong thời kỳ xã hội thay đổi – thất bại của gia đình và chức năng mới của nhà nước*. Nhật Bản: Nxb. Chuoukouron.